

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NC

Bình Định, ngày tháng năm 2020

V/v thực hiện Kế hoạch triển khai
Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp,
an toàn và trật tự của Liên hợp quốc

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Để triển khai thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc (*gọi tắt là Thỏa thuận GCM*); UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện một số nội dung nhiệm vụ như sau:

1. Sở Ngoại vụ

a) Phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan tổ chức phổ biến, tập huấn về Thỏa thuận GCM cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu các tác động của yếu tố trong nước và trong tỉnh có khả năng ảnh hưởng đến di cư như bất ổn về chính trị, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... để các tổ chức, cá nhân, cơ quan liên quan kịp thời nắm bắt thông tin, đảm bảo công tác di cư hợp pháp, an toàn và trật tự; đưa ra các cảnh báo và có các biện pháp ứng phó kịp thời nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người di cư.

b) Liên hệ, phối hợp chặt chẽ và cập nhật thông tin từ Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan trong nước về hoạt động di cư của người di cư ra nước ngoài nhằm bảo đảm công tác di cư được thực hiện hợp pháp, an toàn và trật tự, phù hợp với luật pháp quốc tế và pháp luật của nước sở tại.

c) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nội dung nhiệm vụ theo Công văn này; định kỳ báo cáo kết quả cho UBND tỉnh và Bộ Ngoại giao theo quy định.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ động, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, tổng hợp các số liệu về tỉ lệ chênh lệch giàu nghèo, chênh lệch về tiếp cận các dịch vụ cơ bản, tiếp cận thị trường việc làm tại địa phương, số lượng phụ nữ, trẻ em di cư... để tham mưu cho UBND tỉnh các biện

pháp nhằm làm giảm tình trạng công dân di cư do không có lựa chọn khác, di cư tự phát qua biên giới, lao động tự do...

b) Chủ động phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện lồng ghép các vấn đề di cư vào các chương trình, chiến lược phát triển của tỉnh như đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội bền vững đi đôi với giải quyết việc làm tại chỗ; xây dựng, rà soát, củng cố chương trình, cơ chế hỗ trợ tài chính, dạy nghề, chuyển đổi nghề nghiệp; cung cấp các dịch vụ tư vấn việc làm, hỗ trợ người di cư trở về và tái hòa nhập, chăm sóc sức khỏe đảm bảo đáp ứng yêu tố giới và nhu cầu của đối tượng chính sách xã hội...

c) Tăng cường triển khai thực hiện công tác đào tạo nhằm định hướng, trang bị kiến thức, trình độ nghề, ngoại ngữ cho người lao động trước khi ra nước ngoài làm việc và nâng cao chất lượng đào tạo nghề nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động quốc tế; tăng cường chức năng quản lý nhà nước trong hoạt động về xuất khẩu lao động như: thường xuyên thanh tra, kiểm tra, theo dõi công tác tuyển dụng, đào tạo lao động Việt Nam đưa đi nước ngoài làm việc của các doanh nghiệp tuyển dụng lao động tại tỉnh.

d) Rà soát, kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài nhằm minh bạch thông tin tuyển dụng, chi phí lao động, cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với lao động di cư, biện pháp phòng ngừa, ứng phó với bạo lực, bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động di cư.

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người lao động tham gia xuất khẩu lao động; đồng thời, đề nghị các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng người lao động đi làm việc ở nước ngoài cung cấp thông tin, giáo dục định hướng và khuyến cáo cho người lao động trước khi ra nước ngoài để người lao động có đầy đủ thông tin về quy định pháp luật, phong tục tập quán của nước đến làm việc; kết hợp lồng ghép việc phổ biến Thỏa thuận GCM với các chương trình, hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về các vấn đề di cư quốc tế (rủi ro khi di cư trái phép; nguy cơ mua bán người; thông tin cơ bản về các hoạt động đưa người đi làm việc ở nước ngoài tại tỉnh; chính sách hỗ trợ liên quan...).

g) Thường xuyên cập nhật thông tin về người lao động trong tỉnh ra nước ngoài làm việc theo hợp đồng lao động để kịp thời, chủ động triển khai công tác bảo hộ quyền và lợi ích của người di cư được hiệu quả. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hướng tăng tỷ lệ lao động có tay nghề.

h) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh, Sở Ngoại vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan, rà soát, thống kê số liệu người di cư trở về địa phương nhằm nắm bắt thông tin cơ bản về người di cư trở về, nguyên nhân di cư trở về... từ đó có chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn nhân lực từ nhóm công dân di cư trở về, nhất là lưu học sinh, lao động có tay nghề; tỷ lệ phụ nữ, trẻ em di cư trở về, khó khăn và rào cản trong việc tái hòa nhập cộng đồng.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tăng cường công tác thông tin, khuyến cáo trong lĩnh vực học tập, nghiên cứu ở nước ngoài.

b) Thường xuyên cập nhật thông tin, tình hình số lượng công dân của tỉnh theo học các chương trình học bổng và các chương trình hợp tác với nước ngoài để phối hợp trong công tác bảo hộ công dân và quản lý luồng di cư.

c) Có hình thức tuyên truyền phù hợp để tăng cường thông tin về di cư, các chính sách, quy định về việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập đối với đối tượng liên quan đến du học.

4. Sở Tư pháp

a) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, quy định pháp luật và các điều ước quốc tế trong lĩnh vực di cư ra nước ngoài nhằm nâng cao nhận thức pháp luật về di cư cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn tỉnh.

b) Tăng cường kiểm tra hồ sơ, thủ tục về hộ tịch có yếu tố nước ngoài nhằm hạn chế các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động di cư ra nước ngoài, nhất là hiện tượng lợi dụng kết hôn, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài để mua bán người.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh, Sở Ngoại vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện công tác trợ giúp pháp lý cần thiết cho công dân trong tình di cư ra nước ngoài và người hồi hương tái hòa nhập.

5. Công an tỉnh

a) Chủ động nắm chắc tình hình an ninh, trật tự liên quan đến hoạt động di cư, đề xuất giải pháp phù hợp để quản lý theo quy định (theo dõi, rà soát, cập nhật thông tin, số lượng công dân di cư ra nước ngoài, bao gồm các trường hợp di cư trở về, người nước ngoài tại tỉnh).

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường tuyên truyền, tư vấn luật pháp cần thiết cho người dân khi làm thủ tục liên quan đến di cư ra nước ngoài; tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục cấp phát giấy tờ liên quan việc xuất, nhập cảnh để tạo điều kiện thuận lợi cho công dân xuất cảnh hợp pháp, an toàn và trật tự; chủ động có kế hoạch đấu tranh, ngăn chặn di cư trái phép.

c) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động di cư của người dân trong tỉnh ra nước ngoài; trao đổi, cung cấp thông tin về người di cư về Việt Nam thường trú để phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân di cư có cuộc sống ổn định.

d) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các hình thức thông tin và khuyến cáo đi lại cho công dân trước khi ra nước ngoài.

6. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan liên quan tăng cường các biện pháp đấu tranh ngăn chặn các hình thức di cư trái phép và hoạt động mua bán người qua đường biển; thực hiện bảo hộ và trợ giúp ban đầu cho công dân của tỉnh bị phía nước ngoài buộc hồi hương hoặc được cứu hộ, cứu nạn, giải cứu và hồi hương.

b) Phối hợp tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và nâng cao nhận thức về di cư, đặc biệt là phòng chống mua bán người và di cư trái phép cho công dân trên địa bàn khu vực biên giới biển của tỉnh.

c) Kịp thời phát hiện, trao đổi, phản ánh với Sở Ngoại vụ và các sở, ngành liên quan những vấn đề phát sinh liên quan đến công tác bảo hộ quyền và lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam có ảnh hưởng, tác động đến quốc phòng - an ninh, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu đề xuất các chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh có lồng ghép, tính đến yếu tố người nước ngoài đến làm việc, kinh doanh tại tỉnh và người dân trong tỉnh di cư ra nước ngoài hợp pháp, an toàn và trật tự; nhất là lồng ghép các vấn đề di cư vào các chương trình, chiến lược phát triển của tỉnh như đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội bền vững đi đôi với giải quyết việc làm tại chỗ; thu hút người di cư hồi hương...

8. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo hệ thống truyền thanh cơ sở tăng cường công tác tuyên truyền về Thỏa thuận GCM, xây dựng và duy trì chuyên trang, chuyên mục; tăng cường viết tin, bài về vấn đề di cư quốc tế (di cư hợp pháp, an toàn; di cư trái phép và đưa người di cư trái phép; mua bán người, bóc lột, lạm dụng lao động; các rủi ro trong quá trình di cư; quyền và lợi ích của người di cư...)

b) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy định hướng các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh thực hiện công tác tuyên truyền về Thỏa thuận GCM.

9. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Triển khai chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có tính đến yếu tố di cư của công dân ra nước ngoài nhằm tạo sự phát triển hài hòa phù hợp với đặc thù của địa phương.

b) Chủ động tổ chức tuyên truyền, giáo dục về chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực di cư, đặc biệt các hình thức di cư an toàn, trật tự và hợp pháp; tuyên truyền cảnh báo, phòng chống tệ nạn mua bán người và phòng chống di cư trái phép cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân.

c) Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tăng cường kiểm tra để nắm bắt thông tin về người di cư trên địa bàn; tổ chức tiếp nhận người di cư hồi hương về địa phương khi được các cơ quan có chức năng bàn giao.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể liên quan

a) Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực di cư và theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp kịp thời và hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ của công dân trong hoạt động di cư ra nước ngoài, di cư hợp pháp, an toàn và trật tự.

b) Tham gia góp ý, xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh có liên quan đến hoạt động di cư ra nước ngoài, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý hoạt động di cư và ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

c) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu và nghiên cứu về Thỏa thuận GCM và các vấn đề về di cư quốc tế, đảm bảo lồng ghép yếu tố giới, phù hợp với từng đối tượng, tiếp cận đúng về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự.

11. Về chế độ thông tin, báo cáo

a) Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan thường xuyên cập nhật thông tin, kịp thời phát hiện, chủ động trao đổi những vấn đề phát sinh có liên quan đến công dân trong tỉnh di cư ra nước ngoài cho Sở Ngoại vụ để tham mưu đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo triển khai công tác bảo hộ quyền và lợi ích của người di cư đạt hiệu quả, bảo đảm công tác di cư an toàn, trật tự và hợp pháp.

b) Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện báo cáo số liệu liên quan đến di cư quốc tế theo Phụ lục I đính kèm, gửi Sở Ngoại vụ theo định kỳ 6 tháng (trước 05/7 và trước 05/01 năm sau). Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện các nội dung nhiệm vụ liên quan theo Công văn này theo Phụ lục II đính kèm, gửi Sở Ngoại vụ (trước ngày 05/11 hằng năm) để tổng hợp chung.

Trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ nêu trên, nếu có phát sinh vướng mắc, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Ngoại vụ) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Ngoại giao;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K12.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phi Long

ĐẦU MỐI PHỐI HỢP THỰC HIỆN THỎA THUẬN GCM

*(Kèm theo Công văn số 4510/UBND-NC
ngày 09/7/2020 của UBND tỉnh Bình Định)*

1. Cơ quan: Sở Ngoại vụ Bình Định

2. Cá nhân phụ trách: Nguyễn Đức Hoàng, Chuyên viên Phòng Lãnh sự và người Việt Nam ở nước ngoài.

3. Địa chỉ liên hệ: Số 59-61, đường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Điện thoại liên hệ:

- Số điện thoại cố định: 0256 3814422

- Số điện thoại di động: 0903 545 678.

5. Địa chỉ email: nguyenduchoang3008@gmail.com.

6. Số fax: 0256 3814379./.

Phụ lục I
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU DI CƯ QUỐC TẾ
(Kèm theo Công văn số _____ /UBND-NC ngày ____ / ____ /2020 của UBND tỉnh)

Kỳ báo cáo: 6 tháng

Cơ quan báo cáo:

Đơn vị tính: Người

A	Số liệu thống kê di cư quốc tế của công dân Việt Nam	Tổng số	Trong đó		
			Nữ	Dân tộc Kinh	Dân tộc khác
I	Số liệu công dân Việt Nam di cư hợp pháp				
1	Lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng*				
	Chia theo trình độ chuyên môn				
	Chia theo khu vực thị trường, quốc gia				
	Chia theo nhóm tuổi				
	Chia theo lĩnh vực ngành, nghề				
	Chia theo mức lương				
	Chia theo thời gian làm việc hợp đồng				
2	Lao động làm việc ở nước ngoài theo các hình thức khác				
	Lao động tự do				
	Lao động theo các hình thức khác				
	Lưu ý: Tiêu chí thống kê như mục I.1				
3	Lưu học sinh học bổng**				
	Chia theo quốc gia				
	Chia theo trình độ đào tạo				
	Chia theo ngành học				
	Chia theo nhóm tuổi				
4	Lưu học sinh tự túc**				
	Lưu ý: Tiêu chí thống kê như mục I.3				
5	Công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài				
	Chia theo quốc gia (người nước ngoài mang quốc tịch)				
	Chia theo nhóm tuổi				
6	Công dân Việt Nam được cho nhận con nuôi quốc tế				
	Chia theo thỏa thuận, hiệp định hợp tác giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ về nuôi con nuôi				
	Chia theo quốc gia				
	Chia theo nhóm tuổi				
7	Số liệu công dân Việt Nam di cư trở về				
7.1	Lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài kết thúc hợp đồng trở về nước*				
	Chia theo trình độ chuyên môn				
	Chia theo khu vực thị trường, quốc gia				
	Chia theo nhóm tuổi				
	Chia theo lĩnh vực ngành, nghề				
	Chia theo mức lương				
	Chia theo nguyên nhân di cư trở về				

7.2	Công dân Việt Nam kết thúc thời gian học tập ở nước ngoài về nước				
7.2.1	Lưu học sinh học bổng				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
7.2.2	Lưu học sinh tự túc				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
7.3	Công dân Việt nam di cư trở về thuộc các nhóm đối tượng khác				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
8	Số liệu công dân xuất cảnh				
	<i>Xuất cảnh qua đường bộ</i>				
	<i>Xuất cảnh qua đường hàng không</i>				
	<i>Xuất cảnh qua đường biển</i>				
II	Số liệu công dân Việt Nam di cư trái phép và bị mua bán ra nước ngoài				
1	Công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép				
	<i>Chia theo hình thức xuất cảnh: qua đường hàng không, đường bộ, đường biển</i>				
	<i>Chia theo phương thức di cư trái phép: sử dụng giấy tờ nhân thân giả tạo, thị thực giả mạo...</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú trước khi xuất cảnh</i>				
	<i>Chia theo quốc gia đến</i>				
2	Công dân Việt Nam lao động, cư trú trái phép ở nước ngoài				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
3	Công dân Việt Nam bị mua bán ra nước ngoài				
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú trước khi bị mua bán ra nước ngoài</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
	<i>Chia theo nước bị mua bán ra nước ngoài</i>				
	<i>Chia theo hành vi mua bán người</i>				
4	Số liệu công dân Việt Nam là nạn nhân bị mua bán được hỗ trợ				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú</i>				
	<i>Chia theo các dịch vụ hỗ trợ theo quy định (hỗ trợ thiết yếu ban đầu, hỗ trợ y tế, tư vấn tâm lý, trợ giúp pháp lý, vay vốn sản xuất, trợ giúp khó khăn ban đầu, số tiền được vay)</i>				
	<i>Chia theo trình độ học vấn, nghề nghiệp</i>				
	<i>Chia theo cơ sở hỗ trợ nạn nhân/cơ sở bảo trợ xã hội</i>				

B	Số liệu người nước di cư vào Việt Nam	Tổng số	Nữ	Ghi chú	
I	Người nước ngoài được cấp phép làm việc tại Việt nam				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo ngành nghề</i>				
	<i>Chia theo vị trí công việc</i>				
II	Người nước ngoài học tập tại Việt Nam**				
1	Lưu học sinh theo hiệp định				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
2	Lưu học sinh ngoài hiệp định				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
II	Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam ngoài mục đích làm việc, học tập nêu tại mục I và II				
	<i>Chia theo mục đích</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
III	Người nước ngoài cư trú trái phép vào Việt Nam				
1	Người nước ngoài nhập cảnh trái phép				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo mục đích</i>				
	<i>Chia theo hình thức nhập cảnh trái phép: qua đường bộ, đường hàng không, đường biển</i>				
2	Người nước ngoài cư trú, lao động trái phép				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				

Lưu ý:

Hình thức báo cáo: lập thành văn bản và tệp dữ liệu điện tử định dạng Excel, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 12;

Kỳ hạn báo cáo 6 tháng tính từ ngày 01/01 đến ngày 30/6; ngày gửi báo cáo chậm nhất là **trước ngày 05/7 hàng năm**. Kỳ hạn báo cáo 6 tháng cuối năm tính từ ngày 01/7 đến ngày 31/12; ngày gửi báo cáo chậm nhất là **trước ngày 05/01 năm sau**.

Chia theo nhóm tuổi: Tùy vào loại hình di cư và quy định có liên quan, nhìn chung được chia theo các nhóm như sau: dưới 16 tuổi; 16-18 tuổi; 18-24 tuổi; 25-40 tuổi; 40-60 tuổi; trên 60 tuổi.

Chú thích:

(*): Theo Thông tư số 15/2019/TT-BLĐ-TBXH ngày 18/9/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

(**): ***Lưu học sinh học bổng*** là công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài từ ngân sách nhà nước, học bổng trong khuôn khổ hiệp định, thoả thuận hợp tác giữa Việt Nam với các nước,

vùng lãnh thổ, hoặc tổ chức quốc tế, học bổng do chính phủ nước ngoài, các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế hoặc cá nhân tài trợ thông qua Chính phủ Việt Nam.

Lưu học sinh tự túc là công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài bằng kinh phí không phải từ nguồn kinh phí như lưu học sinh học bổng.

Theo Thông tư số 34/2017/TT-BGDĐT ngày 25/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/BDGDĐT ngày 11/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(***): Theo Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

Phụ lục II
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
LIÊN QUAN VIỆC TRIỂN KHAI THỎA THUẬN GCM
(Kèm theo Công văn số /UBND-NC ngày / /2020 của UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tình hình

a) Cung cấp số liệu công dân Việt Nam di cư ra nước ngoài tính đến ngày 01/11 hàng năm (theo biểu mẫu thống kê tại Phụ lục I); đánh giá xu hướng di cư của công dân tại địa phương.

b) Cung cấp số liệu người nước ngoài tại Việt Nam; nêu một số vấn đề nổi cộm.

2. Kết quả triển khai thực hiện

a) Công tác phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg: nêu thời gian, cấp độ triển khai, số buổi, số lượng người tham gia.

b) Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện: việc ban hành văn bản để lãnh đạo chỉ đạo thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg: nêu tên văn bản, trích yếu nội dung, số, ngày tháng năm ban hành văn bản.

c) Công tác triển khai Chỉ thị 1737/CT-TTg theo các nhiệm vụ trọng tâm tại Kế hoạch và Phụ lục kèm theo Quyết định số 402/QĐ-TTg.

II. ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ

1. Thuận lợi; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2. Kiến nghị (nếu có).
